

Bản án số: 372/2017/HS-ST

Ngày: 12 - 12 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Dũng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Kim Thành

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 386/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2017/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Tuấn S - sinh năm 1963.

Nơi sinh tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Số nhà A, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Số nhà B, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam.

Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đặng Thái D (đã chết).

Con bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1931.

Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai.

Có vợ: Nguyễn Thanh H - sinh năm 1969 và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Trần Thị T - sinh năm 1956.

Nơi sinh tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Số nhà H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Số nhà C đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Trình độ văn hoá: Lớp 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ.
Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Trần Văn Đ (đã chết).
Con bà: Trần Thị Đ (đã chết).
Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ ba.
Có chồng: Phan Đình T - sinh năm 1956 và có 02 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1982.
Tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân: Ngày 04/4/2005, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Đánh bạc”.
Bị cáo hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị T, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thế B hàng ngày bán số lô, số đề cho khách mua, đến cuối giờ thì bán lại bảng cho Đặng Tuấn S để hưởng lợi bất chính. Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 11-11-2017, Đặng Tuấn S điều khiển xe máy đi đến khu vực trước cổng trụ sở Sở T, thành phố N để mua lại số lô, số đề của Trần Thị T, sau đó S tiếp tục điều khiển xe máy đi đến khu vực vỉa hè trước cửa nhà số X, phường V, thành phố N để mua lại số lô, số đề của Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; trú tại: Số C đường Y, phường B, thành phố N đã bán cho khách ngày 11-11-2017. Khi H chuyển cho S 01 bảng ghi số lô, số đề của H và 01 bảng ghi số lô, số đề của Nguyễn Thế B, sinh năm 1940; trú tại: Ngõ T, P. H, TP. N (B là bố của Nguyễn Thị Thu H) nhờ H chuyển hộ cho S thì bị Tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Nam Định phát hiện bắt quả tang, thu giữ của S 03 bảng ghi số lô, số đề, trong đó: 01 bảng ghi số lô, số đề của Trần Thị T đã bán cho khách ngày 11-11-2017 tương ứng với số tiền là 10.252.500 đồng và S thỏa thuận mua lại số lô, số đề của T với số tiền là 9.577.400 đồng; 01 bảng ghi số lô, số đề của Nguyễn Thị Thu H đã bán cho khách ngày 11-11-2017 tương ứng với số tiền là 1.831.250 đồng và S thỏa thuận mua lại số lô, số đề của H với số tiền là 1.701.600 đồng; 01 bảng ghi số lô, số đề của B đã bán cho khách ngày 11-11-2017 tương ứng với số tiền 1.217.000 đồng và S thỏa thuận mua lại số lô, số đề của B với số tiền là 1.093.300 đồng. Tổng số tiền mà Đặng Tuấn S mua lại số lô, số đề của T, H, B đã bán cho khách ngày 11-11-2017 là 12.372.300 đồng. Tổ công tác đã đưa các đối tượng và tang vật về trụ sở cơ quan Công an thành phố Nam Định lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định.

Qua điều tra, xác minh ban đầu, ngày 12-11-2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Nam Định đã bắt khẩn cấp đối với Trần Thị T.

Tại cơ quan điều tra, Đặng Tuấn S và Trần Thị T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thế B khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thế B do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an thành phố Nam Định đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với hành vi mua bán bảng lô đề của S, T, H, B và hành vi bán số lô đề của T, H, B trước ngày 11-11-2017, cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra, xác minh có hình thức xử lý sau.

Tại quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 402/QĐ-KSĐT ngày 28-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định đã truy tố các bị cáo Đặng Tuấn S và Trần Thị T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T khai nhận do không có việc làm, điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo có làm đại lí bán vé xổ số cho Công ty xổ số kiến thiết tỉnh N, do bán vé xổ số ít người mua và công thấp nên bị cáo đã có hành vi bán số lô, đề sau đó chuyển bảng cho S để hưởng tiền công. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội. Sau khi bị bắt giữ và được cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định cho tại ngoại, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 5.100.000đ là tiền bị cáo bán lô, đề mà có. Số tiền còn lại do bị cáo bán lô, đề mà có bị cáo xin tiếp tục được nộp lại để sung công quỹ nhà nước. Bản thân bị cáo có nhiều bệnh tật do tuổi tác, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa bị cáo S đã thành khẩn khai báo, do không có việc làm nên thời gian gần đây bị cáo có đi thu mua bảng lô, đề của T, H và B. Sau khi trừ tiền công của những người bán lô, đề thì bị cáo sẽ giữ lại để độ với kết quả xổ số miền bắc, nếu người chơi thua thì bị cáo sẽ hưởng số tiền gốc, người chơi được thì bị cáo sẽ trả tiền cho người chơi thông qua các thư kí đề. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi của bị cáo bị truy tố như nội dung quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo Đặng Tuấn S và Trần Thị T tại phiên tòa thể hiện hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm theo toàn bộ nội dung quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Tuấn S và Trần Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Đặng Tuấn S từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Trần Thị T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu của bị cáo Trần Thị T 5.152.500 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đặng Tuấn S và Trần Thị T nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Các bị cáo Đặng Tuấn S và Trần Thị T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức: Bị cáo T trực tiếp bán lô, đề cho khách, sau đó chuyển lại cho S để hưởng tiền công. S là người trực tiếp cân đối thắng thua với khách mua lô, đề. Ngày 11-11-2017, Đặng Tuấn S nhận bằng số lô, số đề của Trần Thị T đã bán cho khách ngày 11-11-2017 tương ứng với số tiền là 10.252.500 đồng và S thỏa thuận mua lại số lô, số đề của T với số tiền là 9.577.400 đồng; 01 bằng ghi số lô, số đề của Nguyễn Thị Thu H đã bán cho khách ngày 11-11-2017 tương ứng với số tiền là 1.831.250 đồng và S thỏa thuận mua lại số lô, số đề của H với số tiền là 1.701.600 đồng; 01 bằng ghi số lô, số đề của B đã bán cho khách ngày 11-11-2017 tương ứng với số tiền 1.217.000 đồng và S thỏa thuận mua lại số lô, số đề của B với số tiền là 1.093.300 đồng thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật. Tổng số tiền mà Đặng Tuấn S mua lại số lô, số đề của T, H, B đã bán cho khách ngày 11-11-2017 là 12.372.300 đồng.

Bị cáo S và bị cáo T là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình là phạm tội nhưng do các bị cáo muốn kiếm tiền thông qua hình thức đánh bạc, được thua bằng tiền nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thống nhất thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm. Xếp vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Tuy hành vi của các bị cáo có liên quan đến nhau nhưng các bị cáo đều vì mục đích tư lợi cá nhân nên cùng thực hiện hành vi phạm

tội. Khi xếp vị trí, vai trò và lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, số tiền đánh bạc, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để ấn định mức hình phạt cho từng bị cáo. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Bị cáo S là người thu gom bảng số lô, số đề và trực tiếp thanh toán tiền thắng thua cho người chơi lô, đề thông qua T nên xếp bị cáo ở vai trò đầu trong vụ án.

Bị cáo T là người trực tiếp ghi lô đề thuê cho bị cáo S để hưởng tiền chênh lệch nên xếp bị cáo ở vai trò sau bị cáo S.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự xã hội, gây mất trật tự trên địa bàn thành phố. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác. Vì vậy hội đồng xét xử xét thấy cần phải đưa ra xét xử và có mức hình phạt nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo cải tạo thành công dân tốt, sống có ích cho bản thân, cho gia đình và xã hội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Sau khi thực hiện tội phạm, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo S và bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo S có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo T đã tự nguyện giao nộp 5.100.000 đồng do bị cáo bán lô, đề mà có, bản thân bị cáo sức khỏe yếu, mắt kém và có giấy xác nhận ra viện của Bệnh viện mắt Trung ương nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Áp dụng các qui định của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét thấy không cần cách ly bị cáo S và bị cáo T ra khỏi xã hội mà cho bị cáo S và bị cáo T được hưởng án treo để các bị cáo tự lao động cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với chính sách nhân đạo của Nhà nước ta.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thế B do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an thành phố Nam Định đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu giữ số tiền H và B bán lô, đề mà có để xử lý vật chứng là đúng với quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 8.148.250 đồng là tiền thu được từ việc mua bán số lô, số đề của H, T và B; xét đây là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 6.800.000 đồng thu giữ của bị cáo S, xét là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

Số tiền 5.152.500 đồng là tiền bán lô, đề bị cáo T chưa nộp lại, vì vậy truy thu của bị cáo T số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo Đặng Tuấn S và Trần Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố các bị cáo Đặng Tuấn S và Trần Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

1. *Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999:*

Xử phạt bị cáo Đặng Tuấn S 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 12-11-2017 đến ngày 15-11-2017). Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường V, thành phố N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

2. *Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999:*

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 12-11-2017 đến ngày 15-11-2017). Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường L, thành phố N giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

II. Xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.148.250 đồng (tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng);

- Trả lại cho bị cáo Đặng Tuấn S số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 269/VKS-HS ngày 28-11-2017 và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04-12-2017).

- Truy thu của bị cáo Trần Thị T số tiền 5.152.500 đồng (năm triệu một trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) để sung quỹ Nhà nước.

III. Án phí hình sự sơ thẩm:

- *Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Bị cáo Đặng Tuấn S và bị cáo Trần Thị T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Đặng Tuấn S và bị cáo Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Dũng